

Số: 165...../BVCM-KD
V/v mời báo giá nhà thuốc bệnh viện

Chương Mỹ, ngày 19 tháng 01 năm 2026

THƯ MỜI

Về việc cung ứng thuốc phục vụ nhà thuốc bệnh viện

Hiện nay, Nhà thuốc bệnh viện đang tiến hành xây dựng danh mục thuốc, vật tư, trang thiết bị bán tại Nhà thuốc bệnh viện, tiến tới triển khai lựa chọn theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội “Đối với việc mua thuốc, thiết bị y tế bán lẻ tại nhà thuốc trong khuôn viên cơ sở y tế công lập, mua vắc xin để tiêm chủng theo hình thức dịch vụ thì cơ sở y tế được tự quyết định mua sắm trên cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế” và các qui định khác có liên quan.

Để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động khám chữa bệnh cũng như công tác điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện, Bệnh viện kính mời các đơn vị có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo danh mục và biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Nơi tiếp nhận hồ sơ: Nhà thuốc bệnh viện đa khoa Chương Mỹ

Địa chỉ: 120 Tổ dân phố Hòa Sơn – Phường Chương Mỹ - Hà Nội

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày 25/1/2026.

Mọi thắc mắc xin liên hệ Ds. Lê Thị Hằng, SĐT: 0988121714

Rất mong sự hợp tác của quý công ty

Xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT+KD.

GIÁM ĐỐC



Trần Xuân Khuyến

TÊN DOANH NGHIỆP

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Di động:

Email:

HỒ SƠ CUNG ỨNG THUỐC

CHO NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA CHƯƠNG MỸ

1. Tên sản phẩm số 1
2. Tên sản phẩm số 2
3. Tên sản phẩm số 3

...

...../...../.....



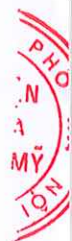
DANH MỤC TÀI LIỆU

TT	Tên giấy tờ	Yêu cầu có	Trang
Hồ sơ pháp lý công ty			
1	Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)	x	
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)	x	
3	Giấy chứng nhận thực hành tốt GDP, GSP (nếu có) (bản sao công chứng)	x	
4	Cam kết về chất lượng hàng hóa, giá, cung ứng (có dấu đỏ) ¹	x	
Hồ sơ sản phẩm 1			
1	Giấy phép lưu hành sản phẩm/ Quyết định cấp giấy đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng (đóng dấu treo công ty)	x	
2	Báo giá có dấu đỏ, ký giám đốc ²	x	
3	Quyết định trúng thầu kèm hợp đồng tại các bệnh viện tuyến tỉnh, thành phố hoặc cơ sở y tế công lập tương đương khác thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc trúng thầu tập trung và hợp đồng còn hiệu lực ít nhất 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày nhà thầu làm hồ sơ chào giá.	x	

^{1,2}: Có mẫu kèm theo

NH
H VII
KHO
JNG
★

TT	Tên giấy tờ	Yêu cầu có	Trang
4	Tối thiểu 02 hóa đơn bán hàng cho các cơ sở y tế trong thời gian gần nhất (nếu đơn vị cung ứng là nhà sản xuất trực tiếp mặt hàng thuốc thì không cần cung cấp hóa đơn)	x	
5	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu	x	
6	Mẫu nhãn và Tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng việt được Cục quản lý dược đóng dấu	x	
7	Thuyết minh ưu điểm sản phẩm so với các sản phẩm khác trên thị trường về giá, dạng bào chế (nếu có)	x	
8	Trong trường hợp đơn vị cung ứng không phải đơn vị trúng thầu, đơn vị cung ứng phải có đầy đủ giấy ủy quyền của đơn vị trúng thầu	x	
Hồ sơ sản phẩm 2			
	Lưu ý: Với những thuốc có cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại với thuốc đã trúng thầu cơ sở tại Bệnh viện năm 2025 nhà cung ứng không cần chứng minh các quyết định trúng thầu rộng rãi hay hóa đơn bán hàng và đảm bảo giá cung ứng tại nhà thuốc bệnh viện không cao hơn giá đã và đang cung ứng tại bệnh viện (có bảng báo giá và bản cam kết kèm theo)		



Mẫu cam kết về chất lượng hàng hóa, giá, cung ứng

Công ty.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

....., ngày tháng ... năm

BẢN CAM KẾT

Kính gửi : Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ:

Số Điện thoại.....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1. Bộ hồ sơ bao gồm:

1.1- Hồ sơ pháp lý của công ty:

- Giấy đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
- Giấy chứng nhận thực hành tốt GSP, GDP, GMP (bản sao công chứng)
- Cam kết về chất lượng hàng hóa, giá, cung ứng và thu hồi sản phẩm khi không bán được

1.2- Hồ sơ sản phẩm:

- Giấy phép lưu hành sản phẩm/ Quyết định cấp giấy đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho và cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng
- Báo giá có dấu đỏ, ký giám đốc

- Quyết định trúng thầu kèm hợp đồng tại các bệnh viện tuyến tỉnh, thành phố hoặc cơ sở y tế công lập tương đương khác thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc trúng thầu tập trung và hợp đồng còn hiệu lực ít nhất 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng cho đến ngày nhà thầu làm hồ sơ chào giá.
- Tối thiểu 02 hóa đơn bán hàng cho các cơ sở y tế trong thời gian gần nhất (nếu đơn vị cung ứng là nhà sản xuất trực tiếp mặt hàng thuốc thì không yêu cầu cung cấp hóa đơn)
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu
- Mẫu nhãn và Tờ hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt được Cục quản lý dược đóng dấu
- Thuyết minh ưu điểm sản phẩm so với các sản phẩm khác trên thị trường về giá, dạng bào chế (nếu có)
- Nếu đơn vị cung ứng không phải đơn vị trúng thầu, đơn vị cung ứng phải có đầy đủ giấy ủy quyền của đơn vị trúng thầu (bản dấu đỏ hoặc bản sao công chứng)

Các tài liệu do công ty cung cấp có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện

2. Cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá:

Công ty đảm bảo chất lượng hàng hoá do chúng tôi phân phối:

- Chất lượng mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền
- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá về hãng sản xuất, nước sản xuất...
- Hạn dùng còn lại của thuốc đã kí hợp đồng tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải đảm bảo tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, $\frac{1}{4}$ hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.
- Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như đã báo giá và ký hợp đồng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

3. Cam kết về giá:

- Chúng tôi cam kết giá của các sản phẩm bán cho nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường, và thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố/ kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu có chênh lệch, chúng tôi xin bồi hoàn toàn bộ phần chênh lệch của giá kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.
- Giá thuốc bán vào nhà thuốc bệnh viện:
 - +/ Đối với các thuốc có trong Danh mục trúng thầu của Bệnh viện, giá bán vào không được cao hơn giá thuốc trúng thầu cùng thời điểm;
 - +/ Đối với thuốc không có trong Danh mục trúng thầu của Bệnh viện, giá bán vào không được cao hơn giá trúng thầu của chính thuốc đó đã trúng thầu tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tuyến trung ương trong vòng 12 tháng; trúng thầu mua sắm tập trung cấp địa phương, cấp quốc gia trong thời hạn của hợp đồng hoặc thỏa thuận khung mua sắm tập trung tính đến trước thời điểm mua thuốc.

4. Cam kết về điều kiện giao hàng:

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ. Có đầy đủ hóa đơn, phiếu xuất kho, phiếu kiểm nghiệm đi kèm mỗi lô hàng.
- Trong suốt quá trình giao nhận, vận chuyển đảm bảo các yêu cầu về điều kiện bảo quản ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý thuốc có yêu cầu kiểm soát đặc biệt.

5. Cam kết bổ sung

- Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế và không nợ bất kì loại thuế nào với cơ quan Nhà nước
- Chúng tôi cam kết sản phẩm cung ứng cho nhà thuốc Bệnh viện trong vòng 120 ngày mà không bán được, chúng tôi xin mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của Nhà thuốc bệnh viện.
- Công ty cam kết chịu trách nhiệm về rủi ro xảy ra đối với khách hàng trong quá trình sử dụng sản phẩm, cam kết về chất lượng sản phẩm với nhà thuốc, bệnh nhân

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

... N /
NH V
A KH
Ơ N
★

Bảng báo giá

Tên công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....

BẢNG BÁO GIÁ

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Đơn giá (VNĐ có VAT)	Số QĐ trúng thầu	Ngày QĐ trúng thầu	Tên BV/ SYT

[Tên công ty] kính gửi Quý Bệnh viện bảng báo giá và đề nghị được cung ứng một số thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ. Chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm về việc thực hiện đầy đủ, đúng các qui định về quản lý các sản phẩm trên.
- Giá bán trên là giá bán chung cho các Nhà thuốc Bệnh viện trên địa bàn Hà Nội./.

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)



DANH MỤC KÈM THƯ MỜI BẢO GIÁ

(Kèm theo thư mời bảo giá ngày.....của Bệnh viện đa khoa Chương Mỹ)

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
1	L-arginin-L-aspartat	200mg/1ml- 10ml	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
2	Cao khô Carduus marianus (tương đương Silymarin toàn phần 70 mg) 140 mg; Cao khô diệp hạ châu (tương ứng với 1400 mg dược liệu) 200 mg; Cao khô ngũ vị tử (tương ứng với 150 mg dược liệu) 25 mg; Cao khô nhân trần (tương ứng với 714,5 mg dược liệu) 50 mg; Curcuminoids (Chiết xuất từ nghệ Curcuma longa L.) 25 mg	140 mg, 200 mg, 25 mg, 50 mg, 25 mg	Viên nang cứng	Uống	3	Viên
3	L-Ornithin L-Aspartat	500mg	Viên nén	Uống	4	Viên
4	Bạch Truật, Mộc Hương, Hoàng Liên, Cam Thảo, Bạch Linh, Đảng Sâm, Thần Khúc, Trần Bì, Sa Nhân, Mạch Nha, Sơn Tra, Hoài Sơn, Nhục Đậu Khấu	2,5g; 0,75g; 0,75g; 0,75g; 2g; 1,5g; 1 g; 1 g; 1g; 1g; 1g; 1g; 1g.	Viên Hoàn mềm	Uống	3	Viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
5	Lysin hydrochlorid + Thiamin hydrochlorid+ Riboflavin Natri phosphat+ Pyridoxin hydrochlorid + Cholecalciferol + D,L-α- Tocopheryl acetat+ Niacinamid+ Dexapanthenol+ Calci (dưới dạng Calcilactat pentahydrate)	300 mg+ 3mg+ 3.5mg+ 6mg+ 400IU+ 15mg+ 20mg+ 10 mg+ 130 mg/15ml x 15ml	Siro thuốc	Uống	4	Uống
6	Lysin hydrochlorid+ Calci (dưới dạng Calci glycerophosphat)+ Phospho (dưới dạng Calci glycerophosphat và Acid glycerophosphoric)+ Thiamin hydrochlorid+ Pyridoxin hydrochlorid+ Riboflavin natri phosphate+ Nicotinamid+ Alphatocopherol acetat	200mg; 86,7mg; 133,3mg; 2mg; 4mg; 2,3mg; 13,3mg; 10mg	Siro thuốc	Uống	4	Ống
7	L- Citrulline DL-Malate 1000mg/10ml	1000mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	4	Gói
8	kẽm nguyên tố (dưới dạng Kẽm gluconat 56mg)	8mg/5ml	Siro	Uống	4	Ống
9	Mỗi 5ml chứa: Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat) 10mg	10mg/5ml;10ml	Siro	Uống	4	Ống
10	Mỗi 10ml dung dịch chứa Piracetam 1,25g	1,25g	Dung dịch thuốc	Uống	4	Ống

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
11	Glutathion	1200mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	4	Lọ
12	Citicolin (dưới dạng Citicolin natri) 1g/4ml	1g	Dung dịch tiêm/pha tiêm	Tiêm	5	Lọ
13	Dexchlorpheniraminmaleat 2mg; Betamethason 0,25mg/5ml	2mg, 0,25mg/5ml	Siro uống	Uống	4	Ống
14	Mometason furoat 0,05mg/ 100MG (140 liều xịt)	0,05mg/100mg (140 liều xịt)	Hỗn dịch xịt mũi	Xịt mũi	4	Lọ
15	Mỗi ml chứa: Beta-glycyrhetinic acid (Enoxolon) 0,6mg; Dequalinium clorid 1mg; Hydrocortison acetat 0,6mg; Lidocain hydroclorid 1mg; Tyrothricin 4mg	0,6mg; 1mg; 0,6mg; 1mg; 4mg	Dung dịch xịt họng	Xịt	4	Chai
16	Ibuprofen	200 mg/10ml	Hỗn dịch uống	Uống	4	Ống
17	Ibuprofen	400mg	Viên nang cứng	Uống	1	Viên
18	Aescin	40mg	Viên nén bao tan trong ruột	Uống	4	viên
19	L-Isoleucin; L-Leucin; L-Valin	L - Isoleucine 952mg; L - Leucine 1904mg; L - Valine 1144mg	Cốm pha dung dịch uống	Uống	4	Gói

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
20	Sắt (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
21	Dried ferrous sulfate ; Folic acid ; Ascorbic acid ; Thiamin mononitrat ; Riboflavin ; Pyridoxin HCl ; Nicotinamide	150mg; 0,5mg; 50mg; 2mg; 2mg; 1mg; 10mg	Viên nang bao tan trong ruột , Uống	Uống	5	Viên
22	Ubidecarenone (Coenzym Q10); Vitamin E (D-alpha tocopheryl acetate)	50mg; 250IU	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
23	Mỗi 5ml dung dịch chứa: Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) hydroxyd polymaltose 34%) 50mg	50mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
24	Omeprazol ; Natri hydrocarbonat	20mg ; 1100mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
25	Omeprazol 40mg; Natri hydrocarbonat 1100mg	40mg; 1100mg	Viên nang cứng	Uống	4	Viên
26	Naproxen	250mg	Viên sủi	Uống	4	Viên
27	Dexibuprofen	400mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên
28	Alendronic acid	70mg/100ml	Dung dịch uống	Uống	1	chai

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
29	Cholin Alfoscerat (dưới dạng Cholin Alfoscerat hydrat)	1g/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	4	Ống
30	Calci gluconat ; Calci lactat	500mg; 350mg	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
31	Bacillus clausii 1.109 -2.109 cfu	Mỗi gói 1g chứa: bào tử Bacillus clausii 2.10 ⁹ cfu	Thuốc bột uống	Uống	4	Gói
32	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronate natri trihydrate) 70mg	70mg	Viên nén bao phim	Uống	1	Viên
33	Mỗi 3g chứa: Glucosamin (dưới dạng Glucosamin HCl) 1500mg	1,5g/3g	Thuốc cốm	Uống	4	Gói
34	Ambroxol hydroclorid	30mg/5 ml	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
35	Montelukast (dưới dạng Montelukast natri)	4 mg/5ml	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	4	Gói
36	Cao bạch quả (Ginkgo biloba extract) 40mg; Vitamin B1 (Thiamin Nitrat) 10mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 5mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5mg; Vitamin PP (Nicotinamid) 10mg	40mg; 10mg; 5mg; 5mg;10mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
37	Diosmin	1000mg	Viên nén	Uống	4	viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
38	Acid Thiocctic	300mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
39	Omega-3-acid ethyl esters	1000mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
40	Cefuroxime (dưới dạng Cefuroxim axetil)	125mg/5ml	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	3	Chai
41	Silymarin	400mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
42	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	100mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
43	Alpha- Terpineol thiên nhiên 0,6g/60ml; Vitamin E 0,18g/60ml; Natri lauryl sulphat 4,8g/60ml	0,6g/60ml; 0,18g/60ml; 4,80g/60ml	Dung dịch dùng ngoài	Rửa âm đạo	4	Chai
44	Ổng 10ml chứa: Cao khô lá Bạch Quả (Ginkgo biloba extract) (Extractum Folii Ginkgo siccus) (tương đương 9,6mg flavonoid toàn phần tính theo quercetin) 40mg	40mg/10ml	Cao lỏng	Uống	3	Ổng

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
45	L-Histidin hydroclorid monohydrat 216,2mg; L-Isoleucin 203,9mg; L-Leucin 320,3mg; L Lysin HCl 291mg; L Methionin 320,3mg; L Phenylalanin 320,3mg; L-Threonin 145,7mg; L-Tryptophan 72,9mg;	216.2mg; 203.9mg; 320.3mg; 320.3mg; 145.7mg; 72.9mg; 233mg	Thuốc cốm	Uống	4	Gói
46	Acid Ascorbic	100mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	4	Chai
47	Ambroxol hydrochloride	6mg/ml x 15ml	Dung dịch uống	Uống	5	Chai
48	Mỗi 5ml chứa: Guaifenesin 100mg; Phenylephrin hydroclorid 2,5mg; Dextromethorphan hydrobromid 5mg	100mg; 2,5mg ;5mg	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
49	Maginesi lactat dyhydrat 186mg Magines pydolat 936mg pyridoxin hydroclorid 10mg 186mg+936mg+10mg	186mg+936mg+10mg	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
50	Sultamicillin	250mg/5 ml	Bột pha hỗn dịch	Uống	2	Lọ
51	Monobasic natri phosphat (dưới dạng natri dihydrophosphat dihydrat); Dibasic natri phosphat (dưới dạng Dinatri phosphat dodecahydrat)	(21,4g ; 9,4g)/118ml x 133ml	Dung dịch thực trực trắng	Thực trực trắng	4	Chai

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
52	Epalrestat	50mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
53	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochlorid) 5mg	5mg	Viên nén	Uống	1	viên
54	Piracetam + Vincamin	400mg+20 mg	Viên nang cứng	Uống	4	viên
55	Ubidecarenon (Coenzym Q10)	50mg	Viên nang mềm	Uống	4	Viên
56	Acid thioctic 600mg/20ml	30mg/ml x 20ml	dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm truyền	4	Lọ
57	Cao khô lá bạch quả (Extractum Folium Ginkgo Siccus)	17,5mg/5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	2	Ống
58	Nifedipin	30mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	BD	Viên
59	Bromelain	50 F.I.P units	viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	4	Viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
60	Calci carbonat (tương đương 600mg Calci) + Mangan sulfat (tương đương 1,8mg Mangan) + Magnesi oxid (tương đương 40mg Magnesi) + Kẽm oxid (tương đương 7,5mg Kẽm) + Đồng (II) oxid (tương đương 1mg Đồng) + Cholecalciferol (vitamin D3) (loại 100 000 IU/g, tương đương 200 IU Cholecalciferol) + Natri borat (tương đương 250µg Boron)	1500mg + 6,65mg + 80mg + 11,2mg + 1,5mg + 3,0mg + 4,0mg	Viên nén bao phim	Uống	5	Viên
61	Cefdinir	(250mg/5ml)/ 50ml	bột pha hỗn dịch	Uống	4	Lọ
62	Ambroxol hydroclorid	(30mg/5ml) x 90ml	Dung dịch uống	Uống	4	Chai
63	Tenofovir (TDF)	25mg	Viên nén bao phim	Uống	4	Viên
64	Silymarin	140mg	Viên nang	Uống	5	Viên
65	Arginine hydrochloride	918mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	4	Ống
66	Cao đặc lá chè dây	625mg	Viên nang cứng	Uống	1	Viên
67	Cao khô Actiso / Cao khô Rau đắng đất/ Cao khô Bìm bìm	85mg + 64mg + 6,4mg	Viên bao phim	Uống	1	Viên



TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
68	Cao khô Actiso / Cao khô Rau đắng đất/ Cao khô Bìm bìm	170mg + 128mg + 13,6mg	Viên nang mềm	Uống	1	Viên
69	Magnesi hydroxyd + Nhôm Hydroxyd + Simethicon	800,4mg + 612mg + 80mg	Hỗn dịch uống	Uống	2	Gói
70	Diocetahedral smectit	3g/20ml	Hỗn dịch uống	Uống	2	Gói
71	Sinh địa + Mạch môn + Huyền sâm + Bối mẫu + Bạch thực + Mẫu đơn bì + Cam thảo	(1000mg + 850mg + 850mg + 500mg + 500mg + 500mg + 320mg)/10ml	Dung dịch uống	Uống	3	Chai/Lọ/Ống /Túi
72	Cao khô rễ đinh lăng/ Cao khô lá bạch quả	240mg + 100mg	Viên nang mềm	Uống	2	Viên
73	Mỗi gói 3g chứa: Đan sâm; Huyền sâm; Đương quy; Viễn chí; Toan táo nhân; Bá tử nhân; Bạch linh, Đảng sâm; Cát cánh; Ngũ vị tử; Mạch môn; Chu sa; Thiên môn đông; Sinh địa	(0,07g; 0,07g; 0,28g; 0,07g; 0,28g; 0,07g; 0,07g, 0,07g; 0,07g; 0,14g; 0,28g; 28mg; 0,28g; 0,56g)/ 3g	Viên hoàn cứng	Uống	3	Gói
74	Progesteron	400mg	Viên đặt	Đặt trực tràng, âm đạo	4	viên
75	Ambroxol hydroclorid	30mg/5ml - 50ml	Siro	Uống	N4	Chai

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
76	Cholin alfoscerat	400mg	Viên nang mềm	Uống	N2	Viên
77	Amoxicillin + Acid clavulanic	600mg + 42,9mg	Thuốc bột pha hỗn dịch	Uống	N4	Gói
78	Ginkgo Biloba	120mg	Viên nang mềm	Uống	N2	Viên
79	Acid amin + glucose + lipid (*)	11,3% + 11% + 20%; 480 ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	N5	Chai/lọ/túi/ống ng/gói
80	Cao khô lá Thường xuân 5:1 (tương đương với 150mg lá Thường xuân)	30mg	Viên ngậm	Ngậm	N3	Viên
81	Cefdinir	250mg/6ml; 60ml	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	N4	Chai
82	Ubidecarenone (Coenzym Q10)	100 mg	Viên nang mềm	Uống	N5	Viên
83	Citicolin (dưới dạng Citicolin sodium)	1000mg/4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm truyền	N4	ống
84	Glutathione	1200mg	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm truyền	N4	Lọ
85	Fexofenadin HCl	60mg/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	N5	Lọ
86	Glutathione (dưới dạng Glutathione sodium)	600mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm truyền	N1	Lọ
87	L-Ornithine-L-Aspartate	5g	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	N2	Ống
88	Acetylcystein	200 mg	Viên nang cứng	Uống	N2	Viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
89	Aciclovir	800mg	Viên nén	Uống	N3	Viên
90	Azithromycin	250mg	Viên nang cứng	Uống	N2	Viên
91	Azithromycin	250mg	Thuốc cốm	Uống	N3	Gói
92	Bisoprolol fumarat-2,5mg	2,5mg	Viên nén	Uống	N2	Viên
93	Bisoprolol	5mg	Viên nén bao phim	Uống	N1	Viên
94	Cetirizine	10 mg	Viên nén bao phim	Uống	N3	Viên
95	Clarithromycin	250mg	Viên nén bao phim	Uống	N2	Viên
96	Colchicin	1mg	Viên nén	Uống	N2	Viên
97	Gemfibrozil	300 mg	Viên nang cứng	Uống	N2	Viên
98	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	400mg, 80mg	Viên nén	Uống	N2	Viên
99	Loperamide hydrochloride	2mg	Viên nang cứng	Uống	N2	Viên
100	Loratadine	10mg	Viên nén	Uống	N3	Viên
101	Magnesium ; Vitamin b6	470mg; 5mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	N2	Viên
102	Nifedipin	20mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Uống	N2	Viên
103	Paracetamol	500mg	Viên nén	Uống	N1	Viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
104	Piracetam	800 mg	viên nén bao phim	uống	N1	Viên
105	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	100 mg, 200 mg, 200 mcg	Viên nén bao phim	Uống	N2	Viên
106	Acetylleucine	500mg	Viên nén	Uống	N2	Viên
107	Esomeprazole	20mg	viên nang cứng chứa pellet tan trong ruột	Uống	N3	viên
108	Esomeprazol	40mg	Viên nang cứng	Uống	N3	Viên
109	Amlodipine	5 mg	Viên nang cứng	Uống	N2	Viên
110	Alphachymotrypsine	4.2mg	Viên nén	Uống	N2	Viên
111	Misoprostol 200 mcg	200mcg	viên nén	uống	N2	viên
112	Aspirin	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	N2	Viên
113	Acyclovir	250mg/5g	Kem bôi da	Dùng ngoài	N4	Tuýp
114	Betamethasone dipropionate	0,064%	Gel bôi da	Dùng ngoài	N4	Tuýp
115	Betamethason dipropionat + Acid salicylic	3% + 0,064%	Mỡ bôi da	Dùng ngoài	N4	Tuýp
116	Clotrimazol	1%	Kem bôi da	Dùng ngoài	N4	Tuýp



TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
117	Fusidic acid + Betamethasone valerate	2% + 0,1%	Kem bôi da	Dùng ngoài	N4	Tuýp
118	Acid Fucidic	100mg/5g (Mỗi 5g chứa: Acid fusidic 100mg)	Kem bôi da	Dùng ngoài	N4	Tuýp
119	Ambroxol hydrochloride	15mg/5ml	Siro	Uống	N1	Lọ
120	Ambroxol hydrochloride	30mg	Viên nén	Uống	N1	Viên
121	Magnesium hydroxide; Aluminium hydroxide (dưới dạng dried Aluminium hydroxyde gel); Simethicon (dưới dạng Simethicon emulsion 30%)	(800,4mg + 612mg + 80mg)/15g	Hỗn dịch uống	Uống	N4	Gói
122	Amoxicilin + sulbactam	875mg + 125mg	Viên nén bao phim	Uống	N4	Viên
123	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat powder) + Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat - Syloid (1:1))	(500mg + 62,5mg)/5ml; 60ml	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	N2	Chai
124	Sắt protein succinylat	800mg/15ml; 7,5ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
125	Metronidazol+ Clotrimazol+ Neomycin dạng muối	500mg; 150mg; 136000IU	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	N5	Viên
126	Metronidazole + Chloramphenicol + Nystatin + Dexamethasone acetate	225 mg; 100 mg; 75 mg; 0,5 mg;	Viên đặt âm đạo	Đặt âm đạo	N5	viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
127	Citicoline	1000mg/8ml x 8ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	N4	Ống
128	Glutathion	600mg	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	N4	Lọ
129	L-Ornithin-L-Aspartat	5g/10ml x 10ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm	N4	Ống
130	Calcium glubionate + Calcium lactobionate	2938,59mg + 639,83mg	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
131	Calcium glubionate + Calcium lactobionate	1469,3mg + 319,91mg	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
132	Drotaverine hydrochloride	80 mg	Viên nén	Uống	BDG	Viên
133	Bacillus subtilis	2×10^9 / 5ml	Hỗn dịch uống	Uống	N4	Ống
134	Paracetamol	160mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
135	Paracetamol	250mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
136	Monobasic natri phosphat; Dibasic natri phosphat	(10,63g + 3,92g)/66ml	Dung dịch thực trực tràng	Thực trực tràng	N4	Lọ
137	Monobasic natri phosphat, dibasic natri phosphat	(21,41g + 7,89g)/ 133ml	Dung dịch thực trực tràng	Thực trực tràng	N4	Lọ
138	Xylometazoline hydrochloride	1mg/ml x 10ml	Dung dịch khí dung	Xịt mũi	N4	Lọ
139	Natri clorid	90mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	N4	Ống
140	Ondansetron	4mg/5ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
141	Polyethylen glycol 400 + Propylen glycol	(4mg+3mg)/ml × 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	N4	Ống
142	Vitamin K1	20 mg/1ml	Nhũ tương uống	Uống	N4	Ống
143	Salbutamol	2,5mg/2,5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	N4	Ống
144	Salbutamol	5mg/2.5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	N4	Ống
145	Budesonid	0,5mg/2ml	Hỗn dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	N4	Lọ
146	Carbomer	0,2%/ 0,6g	Gel tra mắt	Tra mắt	N4	Ống
147	Atropin sulfat	10mg/ml; 0,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	N4	Ống
148	Hydroxypropylmethylcellulose	30mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	N4	Ống
149	Morphin	10mg/1ml (dạng muối)	Dung dịch tiêm	Tiêm	N4	Ống
150	Piracetam	1200/10ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
151	Arginin hyroclorid	2000mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
152	Ibuprofen	100mg/10ml	Hỗn dịch uống	Uống	N4	Ống
153	Sắt nguyên tố (Sắt (III) hydroxyd polymaltose)	50mg/ml; 30ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Chai/Lọ/Ống/Túi
154	Acid thiocitic	600mg	Viên nén bao phim	Uống	N1	Viên
155	Silymarin	150mg	Viên bao đường	Uống	N1	Viên

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
156	Acid thioctic (dưới dạng muối Meglumine) 1167,70 mg) 600mg/50ml	600mg/50ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền tĩnh mạch	N1	Lọ
157	Levofloxacin	500mg	Viên nén bao phim	Uống	BDG	Viên
158	Alfuzosine HCl	10mg	Viên nén phóng thích kéo dài	Uống	BDG	Viên
159	Uridine-5'-trisodium triphosphate, Cytidine-5-disodium monophosphate	5 mg + 3mg	Viên nang	Uống	N2	Viên
160	Kali chloride	500mg	Viên nén bao phim	Uống	N1	Viên
161	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 875mg; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil) 125mg	875mg; 125mg	Viên nén phân tán	Uống	N4	Viên
162	Calci (dưới dạng calci lactat pentahydrat); Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin D3; Vitamin E; Vitamin PP; Vitamin B5; Lysin HCl	(65 mg + 1,5 mg + 1,75 mg + 3,0 mg + 200 IU + 7,5 IU + 10 mg + 5 mg + 150 mg)/7,5ml	Siro	Uống	N4	Ống
163	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	250mg + 125mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	N4	Gói

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
164	L-Leucin	320,3mg	Thuốc cốm uống	Uống	N4	Gói
	L-Isoleucin	203,9mg				
	L-Lysin hydroclorid	291mg				
	L-Phenylalanin	320,3mg				
	L-Threonin	145,7mg				
	L-Valin	233mg				
	L-Tryptophan	72,9mg				
165	L-Histidin hydroclorid monohydrat	216,2mg	Siro	Uống	N4	Ống
	L-Methionin	320,3mg				
166	Sắt (dưới dạng sắt (III) hydroxyd polymaltose complex)	10mg/ml; 10ml	Siro	Uống	N4	Ống
166	Silymarin	140mg	Viên nang cứng	Uống	N1	Viên
167	Glucosamine ; Chondroitin sulfate (dưới dạng sụn vây cá mập); Cao đặc thân rễ Gừng; Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá	295mg + 10mg + 40mg + 10mg	Viên nang cứng	Uống	N1	Viên
168	Thymomodulin	80mg	Viên nang cứng	Uống	N2	Viên
169	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochloride 1,36mg) 1,25mg	1,25mg	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	N1	Tép
170	Mỗi ống 5ml: Bromhexin hydroclorid 4mg; Guaifenesin 100mg;	4mg + 100mg	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
171	Ibuprofen 2000mg/100ml	2000mg/100ml	Hỗn dịch uống	Uống	N2	Lọ

TT	Tên hoạt chất/ thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính
172	Glucosamin (dưới dạng Glucosamin sulfat kali clorid)	1250mg (tương đương với Glucosamin sulfat kali clorid 2100mg)	Thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	N2	Gói
173	Calci (dưới dạng calci carbonat 1500mg) 600mg; Cholecalciferol (tương đương 400IU vitamin D3) 0,01mg 1500mg + 400IU	600mg; 0,01mg	Viên nén bao phim	Uống	N4	Viên
174	Thymomodulin 60mg/10ml	60mg/10ml	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
175	Piracetam	2g/10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	N4	Ống
176	Piracetam	800mg	Dung dịch uống	Uống	N4	Ống
177	Vitamin E + Vitamin C + Beta caroten 30% hỗn dịch + Kẽm oxid + Đồng oxid + Selen + Mangan Sulfat	200 IU + 250mg + 10mg + 9,337mg + 1,252mg + 15µg + 4,613mg	Viên nang mềm	Uống	N2	Viên
178	Thiamine hydrochloride + Pyridoxine hydrochloride + Cyanocobalamin	(100mg + 100mg + 1mg)/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	N1	Ống
	Cộng: 178 khoản					

